

## BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG HỌC VỤ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC

Ngày 14/10/2022 và ngày 17/10/2022

### I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự:

1. Thời gian: 8g00 ngày 14/10/2022 và 14g00 ngày 17/10/2022
2. Địa điểm: Hội trường A4
3. Thành phần tham dự:

### Hội đồng học vụ:

1. PGS. TS. Trần Thiên Phúc, Phó Hiệu trưởng
2. PGS. TS. Bùi Hoài Thắng, Trưởng phòng đào tạo
3. ThS. Đào Vũ Hoàng Nam, Phó Trưởng phòng Công tác Chính trị-Sinh viên
4. PGS. TS. Đỗ Hồng Tuấn, Trưởng khoa Điện – Điện tử
5. PGS.TS. Lê Anh Tuấn, Trưởng khoa Kỹ thuật Xây dựng  
(PGS.TS. Lê Hoài Long, Phó trưởng Khoa Kỹ thuật Xây dựng họp thay)
6. PGS. TS. Nguyễn Quang Long, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật Hóa học
7. PGS. TS. Nguyễn Hữu Lộc, Trưởng khoa Cơ khí
8. PGS. TS. Phạm Trần Vũ, Trưởng Khoa Khoa học & Kỹ thuật Máy tính
9. TS. Dương Như Hùng, Trưởng Khoa Quản lý Công nghiệp
10. TS. Bùi Trọng Vinh, Trưởng Khoa Địa chất và Dầu khí
11. PGS. TS. Huỳnh Đại Phú, Trưởng khoa Công nghệ Vật liệu
12. TS. Trần Hữu Nhân, Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông
13. PGS. TS. Võ Lê Phú, Trưởng khoa Môi trường và Tài nguyên
14. PGS. TS. Trương Tích Thiện, Trưởng khoa Khoa học Ứng dụng
15. PGS. TS. Phạm Huy Hoàng, Giám đốc Trung tâm Bảo dưỡng Công nghiệp  
(TS. Nguyễn Thanh Trương, Phó Giám đốc Trung tâm Bảo dưỡng Công nghiệp họp thay)
16. PGS.TS. Hoàng Trang, Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học  
(TS. Trịnh Xuân Dũng, Phó Trưởng phòng ĐTSĐH, họp thay trong phiên thứ hai)

### Các đơn vị:

17. TS. Đào Thị Việt Hương, Phó trưởng phụ trách phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng
18. TS. Đặng Đăng Tùng, GD, Văn phòng Đào tạo Quốc tế
19. TS. Lê Thị Hồng Hiếu, VP. Chương trình Kỹ sư CLC Việt-Pháp (PFIEV)
20. PGS.TS. Bùi Mai Hương, Trưởng Phòng Quản trị Thương hiệu Truyền thông



21. ThS. Lê Đức Huy, Đoàn Thanh niên

## II. Nội dung:

### 1. Tóm tắt:

- 8g10: Thầy Bùi Hoài Thắng trình bày các nội dung của buổi họp gồm:
  1. Báo cáo tuyển sinh 2022
  2. Điều chỉnh quy định học vụ
  3. Tên gọi các chương trình đang vận hành
  4. Chương trình Cử nhân – Kỹ sư – Thạc sĩ
  5. Vấn đề song ngành
  6. Công tác Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập
  7. Chương trình tài năng
  8. Xử lý học vụ
  9. Xét Tốt nghiệp
  10. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đào tạo Sau đại học
  11. Quy trình triển khai chương trình BS-MS
  12. Tuyển sinh, Tốt nghiệp Sau đại học

### 2. Nội dung cụ thể:

#### 2.1. Báo cáo tuyển sinh:

##### 2.1.1. Phương thức/Chỉ tiêu tuyển sinh 2022:

Stt	Phương thức tuyển sinh	Tổng chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	1% - 5%
2	Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG (UTXT-T; UTXT)	15% - 20%
3	Xét tuyển thí sinh có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế hoặc thí sinh người nước ngoài	1% - 5%
4	Xét tuyển theo kết quả THPT kết hợp phỏng vấn đối với thí sinh dự tính du học nước ngoài	1% - 5%
5	Xét tuyển tổng hợp bao gồm các tiêu chí về học lực (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM, kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả quá trình học tập THPT), năng lực khác, hoạt động xã hội	75% - 90%

Phương thức 1: TT, UTXT Bộ GD&ĐT quy định			Phương thức 2: UTXT-T/UTXT ĐHQG- HCM			Phương thức 3: Người nước ngoài			Phương thức 4: Du học nước ngoài			Phương thức 5: Kết hợp			Tổng	
Trúng tuyển XTS	XNNH Bộ	NH	Trúng tuyển XTS	Trúng tuyển ĐK lại PT5	NH	Trúng tuyển XTS	Trúng tuyển ĐK lại PT5	NH	Trúng tuyển XTS	Trúng tuyển ĐK lại PT5	NH	Trúng tuyển	XNNH Bộ	NH	Trúng tuyển	NH
92	35	34	1,377	700	665	14	11	7	44	21	21	4,344	4,204	4,161	5,111	4,888

- Phương thức 6 dành cho các sinh viên chuyển từ CQ đại trà sang CLC.
- Số lượng trúng tuyển chương trình PFIEV: 129

## 2.1.2. Thống kê số liệu tuyển sinh 2022:

Khoa	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Nhập học	Tỉ lệ
Khoa Kỹ thuật Xây dựng	720	497	472	66%
Khoa Điện - Điện tử	670	676	662	99%
Khoa Cơ khí	665	800	769	116%
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	340	843	824	242%
Khoa Kỹ thuật Hóa học	280	452	441	158%
Khoa Công nghệ Vật Liệu	180	66	64	36%
Trung tâm đào tạo Bảo dưỡng công nghiệp	165	32	29	18%
Khoa Kỹ thuật Giao thông	150	255	246	164%
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí	130	59	55	42%
Khoa Quản lý Công nghiệp	120	199	188	157%
Khoa Môi trường và Tài nguyên	120	54	52	43%
Khoa Khoa học ứng dụng	100	74	72	72%
Tổng ĐHCQ Đại trà:	3,640	4,007	3,874	106%
Khoa Kỹ thuật Hóa học	280	200	177	63%
Khoa KH&KT Máy tính	195	394	365	187%
Khoa Cơ khí	190	171	160	84%
Khoa Điện - Điện tử	150	65	63	42%
Khoa Kỹ thuật Xây dựng	125	53	50	40%
Khoa Kỹ thuật Giao thông	90	87	78	87%
Khoa Quản lý Công nghiệp	90	57	48	53%
Khoa Khoa học ứng dụng	90	36	34	38%
Khoa Môi trường và Tài nguyên	60	9	9	15%
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí	50	3	2	4%
Khoa Công nghệ Vật Liệu	40	10	8	20%
Tổng ĐHCQ CLC:	1,360	1,085	994	73%
Chương trình chuyển tiếp Quốc tế	150	21	21	14%
<b>Tổng</b>	<b>5,150</b>	<b>5,113</b>	<b>4,889</b>	<b>95%</b>

Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Điểm TT	Số SV Trúng tuyển	Số SV Nhập học
106	Khoa học Máy Tính	240	75.99	612	602
107	Kỹ thuật Máy Tính	100	66.86	231	222
108	Kỹ thuật Điện; Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Nhóm ngành)	670	60	676	662
109	Kỹ Thuật Cơ Khí	300	60.29	226	216
110	Kỹ Thuật Cơ Điện Tử	105	62.57	252	248
112	Kỹ thuật Dệt; Công nghệ May (Nhóm ngành)	90	58.08	51	46

114	Kỹ thuật Hóa học; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Sinh học (Nhóm ngành)	280	58.68	452	441
115	Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông; Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy; Kỹ thuật Xây dựng Công trình biển; Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng (nhóm ngành)	675	56.1	390	373
117	Kiến Trúc	45	57.74	107	99
120	Kỹ thuật Địa chất; Kỹ thuật Dầu khí (nhóm ngành)	130	60.35	59	55
123	Quản Lý Công Nghiệp	120	57.98	199	188
125	Kỹ thuật Môi trường; Quản lý Tài nguyên và Môi trường (nhóm ngành)	120	60.26	54	52
128	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng (nhóm ngành)	90	61.27	223	213
129	Kỹ Thuật Vật Liệu	180	59.62	66	64
137	Vật Lý Kỹ Thuật	50	62.01	40	40
138	Cơ Kỹ Thuật	50	63.17	34	32
140	Kỹ Thuật Nhiệt (Nhiệt Lạnh)	80	57.79	48	46
141	Bảo Dưỡng Công Nghiệp	165	59.51	32	29
142	Kỹ thuật Ô tô	90	60.13	192	186
145	Kỹ thuật Tàu thủy; Kỹ thuật Hàng không	60	54.6	63	60
206	Khoa Học Máy tính (CLC bằng tiếng Anh)	100	67.24	269	246
207	Kỹ Thuật Máy Tính (CLC bằng tiếng Anh)	55	65	47	43
208	Kỹ Thuật Điện - Điện Tử (CT Tiên tiến - GD bằng Tiếng Anh)	150	60	65	63
209	Kỹ Thuật Cơ Khí (CLC bằng tiếng Anh)	50	60.02	20	17
210	Kỹ Thuật Cơ Điện Tử (CLC bằng tiếng Anh)	50	64.99	67	66
211	Kỹ Thuật Cơ Điện Tử (Chuyên ngành Kỹ Thuật Robot) (CLC bằng tiếng Anh)	50	64.33	33	30
214	Kỹ Thuật Hóa Học (CLC bằng tiếng Anh)	200	60.01	137	121
215	Kỹ Thuật Xây Dựng; Kỹ Thuật	80	60.01	33	31

	Xây Dựng Công Trình Giao Thông (CLC bằng tiếng Anh)				
217	Kiến Trúc (Chuyên ngành Kiến Trúc Cảnh Quan) (CLC bằng tiếng Anh)	45	60.01	20	19
218	Công nghệ sinh học (CLC bằng tiếng Anh)	40	63.99	27	23
219	Công Nghệ Thực Phẩm (CLC bằng tiếng Anh)	40	63.22	36	33
220	Kỹ Thuật Dầu Khí (CLC bằng tiếng Anh)	50	60.01	3	2
223	Quản Lý Công Nghiệp (CLC bằng tiếng Anh)	90	60.01	57	48
225	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Kỹ thuật Môi trường (Nhóm ngành) (CLC bằng tiếng Anh)	60	60.26	9	9
228	Logistics Và Quản Lý Chuỗi Cung Ứng (CLC bằng tiếng Anh)	40	64.8	51	47
229	Kỹ Thuật Vật Liệu (chuyên ngành Kỹ thuật vật liệu công nghệ cao) (CLC bằng tiếng Anh)	40	60.01	10	8
237	Vật Lý Kỹ Thuật (Chuyên ngành Kỹ Thuật Y Sinh) (CLC bằng tiếng Anh)	45	62.01	15	14
242	Kỹ Thuật Ô Tô (CLC bằng tiếng Anh)	50	60.13	43	42
245	Kỹ Thuật Hàng Không (CLC bằng tiếng Anh)	40	67.14	44	36
266	Khoa Học Máy Tính (CT Chất lượng cao - Tăng Cường Tiếng Nhật)	40	61.92	78	76
268	Cơ Kỹ Thuật (CT Chất lượng cao - Tăng Cường Tiếng Nhật)	45	62.37	21	20
	Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế	150		21	21
	Tổng			5,113	4,889

### 2.1.2. Tiếng Anh đầu vào:

BẢNG THỐNG KÊ SỐ SINH VIÊN HIỆN ĐẠT TƯƠNG ỨNG ANH VĂN					
Stt	Mức điểm AV qui ra Toeic	Kỳ thi AV xếp lớp	CCAV quốc tế	Đăng ký miễn AV	Ghi chú
	chưa có dữ liệu AV	74			
	mức điểm dưới AV cơ bản (400)	1934			

*Handwritten signature*

a0	mức điểm đạt AV cơ bản (400 đến < 450)	868			
a1	mức điểm đạt AV1 (450 đến < 500)	476			
a2	mức điểm đạt AV2 (500 đến < 550)	231	1		
a3	mức điểm đạt AV3 (550 đến < 600)	122			
a4	mức điểm đạt AV4 (từ 600 trở lên)	38	95	48	
	Tổng số SV đại trà + Việt Pháp + TCT Nhật	3,887			

## 2.2. Thảo luận:

Thầy Nguyễn Công Trí (TT Ngoại ngữ)

- Trình độ tiếng Anh (TA) của SV có nhiều vấn đề
- Nên thực hiện khảo sát sinh viên về chuẩn AV tốt nghiệp tăng từ 450-600 có ảnh hưởng đến tỷ lệ tốt nghiệp
- Tỷ lệ TOIEC đầu ra 600 cũng làm nâng tỷ lệ SV không đạt chuẩn AV đầu vào
- Thời lượng học TA 1,2,3,4 chỉ đạt  $\frac{1}{4}$  thời lượng học TA bậc B1 ~600 giờ
- Nguồn giảng viên giảng dạy môn TA đang thiếu => đang tìm GV mời giảng => đảm bảo đủ số lượng giảng viên cho 1.900 SV
- Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) phối hợp với câu lạc bộ TA TTNN và Phòng Công tác Chính trị Sinh viên/Đoàn, Hội sinh viên đề chiêu sinh SV giỏi TA để dạy kèm cho SV mất căn bản TA => phần thưởng cho các SV này là ngày công tác xã hội.
- Về Chứng nhận VNU-EPT và Chứng chỉ VSTEP có 2 góc nhìn:
  - ✓ Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đại học Quốc gia
  - ✓ Từ kiểm định Quốc tế chấp nhận chứng chỉ hay không

Thầy Phạm Trần Vũ (Khoa KH&KT Máy tính)

- Có sự quan hệ giữa nâng chuẩn TA và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.
- Hội đồng học vụ nâng chuẩn TA đặt ra theo ý kiến chủ quan không xem năng lực đáp ứng của SV
- Chưa thực hiện khảo sát việc nâng chuẩn TA sẽ ảnh hưởng đến chất lượng SV
- Nên thực hiện việc khảo sát và đánh giá lại
- Đưa AV vào việc xét tuyển sinh vào trường
- Giảm điều kiện TA cho sinh viên chương trình chất lượng cao tiếng Nhật
- Nhờ SV trợ giảng (SV năm cuối) coi sinh SV năm 1
- SV học môn chương trình thạc sĩ: SV học môn nào tính điểm môn đó
- Điểm TTNT do doanh nghiệp chấm nếu thành lập HĐ thì rất nhiều HĐ
- LVTN: Thầy hướng dẫn luận văn không ký vào cuốn hướng dẫn xem lại trách nhiệm của Thầy hướng dẫn ở từng giai đoạn
- Trao đổi SV: chuyển đổi tín chỉ giữa hai trường, có cơ chế linh động
- Chấm điểm rèn luyện SV CLC: do đơn vị quản lý xác nhận hay do khoa

Cô Lê Thị Hồng Hiếu (PFIEV)

- Mở môn Pháp văn với sĩ số thấp, sĩ số lớp như hiện nay không hiệu quả
- Công nhận môn Nhập môn kỹ thuật tương đương giữa các Khoa/ngành
- Miễn môn/môn học thay thế => SV thích nhận điểm thay vì điểm miễn
- Đề xuất điều chỉnh quy định cấu trúc CTĐT, môn khóa luận TN từ 4TC -> 9TC, môn Đồ án môn học chuyên ngành được tổ chức ở HK9

Thầy Dương Như Hùng (Quản lý Công nghiệp)

- 5% SV đầu vào đáp ứng điều kiện TA

Thầy Nguyễn Hữu Lộc (Cơ khí):

- Thường điểm thi Olympic: nên giữ lại
- Nên để Hội đồng xây dựng CTĐT, HĐ ngành quyết định môn tiên quyết cơ sở ngành
- Nên khảo sát đầy đủ cho môn TA vì môn TA này cũng là lý do SV Tái năng của Khoa từ bỏ chương trình
- Nếu áp dụng thành lập HĐ cho các môn TTNT thì tất cả các môn Đồ án, Thực tập ngoài trường đều thành lập hội đồng
- HĐ tốt nghiệp phải có nhận xét của GV phản biện mới thành lập HĐ thì sẽ kéo dài thời gian

Thầy Trần Thiên Phúc

- Không nên hạ chuẩn TA mà tìm biện pháp cho SV
- Phải có nhận xét của GV phản biện sau đó thành lập hội đồng

Thầy Võ Lê Phú (Môi trường & Tài nguyên)

- Phải có khảo sát nghiêm túc về mối quan hệ giữa ngoại ngữ và tốt nghiệp
- Môn TTNT, ĐA chuyên ngành, ĐCLV nên để song hành LVTN
- Thành lập HĐ nhận xét phản biện trước khi thành lập HĐ chấm bảo vệ không khả thi
- Hoãn thi: nên cho SV thi bổ sung
- Miễn thi: cho sinh viên tự chọn
- Môn cơ sở ngành giao cho HĐ ngành, HĐ xây dựng chương trình đào tạo quyết định
- Môn học trước: Chuyển thành môn khuyến nghị
- Chuyển ngành, chuyển CTĐT: cho SV linh động
- GVCN/CVHT: Khoa không có GV để đảm nhận.

Thầy Trương Tích Thiện (Khoa KH Ứng dụng)

- Chương trình liên thông cử nhân lên SĐH: kết quả chương trình CN không được tính điểm trung bình tích lũy vào chương trình liên thông dẫn đến nhiều sinh viên không lựa chọn theo học
- Chương trình trình CN-KS-ThS đang vận hành bằng cấp đã được chính phủ công nhận chưa
- Chuẩn TA tốt nghiệp: Tìm biện pháp cải thiện trình độ TA
- Chú trọng công tác GVCN, GVCN không tận tâm

Thầy Nguyễn Quang Long (Khoa KT Hóa học)

- Thường điểm thi Olympic: nên giữ lại

- Tổ chức thi bổ sung: có quy trình, quy định cụ thể
- Thời hạn đăng ký LVTN tốt đa 2 tuần: đề nghị HĐ xem xét vì sinh viên nợ CCAV nộp muộn trong khi SV vẫn tham gia thực hiện LVTN với GVHD
- Miễn điểm: cho SV tự chọn, cho phép sinh viên chuyển điểm học từ chương trình thạc sĩ xuống chương trình đại học thay vì nhận điểm miễn.
- GVCN/CVHT: ủng hộ 2 chức danh này riêng biệt
- KSTN: mở ở CS Lý Thường Kiệt và dạy bằng TA
- Môn tự chọn tự do: không để sinh viên chọn ngẫu nhiên
- LVTN: 4TC => tiết quy đổi quá ít => thù lao và khối lượng ảnh hưởng đến chất lượng
- Khó khăn trong việc bố trí coi thi cho GV

Thầy Đỗ Hồng Tuấn (Khoa Điện – Điện tử)

- Quy định mới dành cho khóa 2022 môn tiên quyết, môn khuyến nghị, môn song hành khác so với vận hành trước đây, nếu áp dụng quy định mới này SV 2019,2020,2021 sẽ bị vướng điều kiện và không đăng ký được đề xuất cấp mã môn học mới, điều kiện mới
- Song ngành: chưa có văn bản, quy định nào về đào tạo song ngành
- Chương trình BS-MS: công nhận điểm thay vì miễn điểm

Thầy Đặng Đăng Tùng (VP Đào tạo Quốc tế)

- Ngoại ngữ: chương trình CLC tiếng Nhật và SV tăng cường tiếng Nhật SV vừa yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Nhật. Nên mở chuẩn TA cho nhóm SV này.
- Môn học tự chọn tự do: phân luồng cho SV tự chọn
- Mở lớp: Một số trường hợp đặc biệt, theo đề xuất của Khoa đặc thù môn học cần sĩ số ít mới nâng cao chất lượng thì hội đồng xem xét cho mở lớp
- Đề nghị duy trì đồng giảng online đối với các môn học có GV người nước ngoài.

## 2.3. Một số vấn đề về Điều chỉnh quy định học vụ:

### 2.3.1. Ngoại ngữ:

- Nhắc lại:
  - Học Anh văn (AV) 1,2,3,4, dùng chứng chỉ ngoại ngữ (CCNN) để xét đạt chuẩn tốt nghiệp (chuẩn nhận Luận văn tốt nghiệp)
  - Xét miễn AV 1,2,3,4: dùng CCNN trong 01 năm đầu
- Xin ý kiến:
  - **Chứng nhận VNU-EPT và Chứng chỉ VSTEP quốc gia (ĐH KHXH-NV):**
    - ✓ Xét miễn môn AV 1,2,3,4 (cho sinh viên (SV) khoá 2020 về trước hoặc SV khoá từ 2021 trong năm đầu)
  - Chuẩn tốt nghiệp vẫn dùng CCNN quốc tế
  - Chuyển môn AV thành Đạt/Không đạt?
    - ✓ Tích lũy Tín chỉ, không tính điểm Trung bình => CCNN xét miễn AV 1,2,3,4 (không ràng buộc năm đầu)
  - Chuẩn đầu ra ngoại ngữ:
    - ✓ Theo năm tốt nghiệp => đáp ứng đúng đợt cấp bằng / lura tốt nghiệp



➤ **Kết luận:**

- **Chứng nhận VNU-EPT và Chứng chỉ VSTEP quốc gia (ĐH KHXH-NV):**
  - ✓ Xét miễn môn AV 1234 (cho SV khoá 2020 về trước hoặc SV khoá từ 2021 trong năm đầu)
- **Chuẩn tốt nghiệp vẫn dùng CCNN quốc tế**

**2.3.2. Thực hiện các học phần tốt nghiệp:**

- **Nhắc lại:**
  - Thực tập ngoài trường (TTNT): phải có quyết định, đăng ký môn học thành công trước khi SV thực hiện TTNT
  - Cần Hội đồng chấm TTNT theo quy định.
- **Xin ý kiến:**
  - Hiện hành: TTNT và Đề cương luận văn (ĐCLV)/Đồ án (ĐA) chuyên ngành là song hành
  - Xin ý kiến: TTNT là tiên quyết của ĐA chuyên ngành/Đề cương luận văn
    - ✓ Đã có HK hè để giải quyết tiến độ
    - ✓ (Khoản 5.5 Điều 5 Quy định HV-ĐT bậc ĐH => viết vào trong Điều 13 Cấu trúc CTĐT)
- **Nhắc lại đăng ký LVTN:**
  - Thời gian thực hiện: 15 tuần
    - ✓ LVTN đo cả khối lượng và thời gian thực hiện
  - Đăng ký trễ hạn: như MH (khoảng 2 tuần)

Khoa quy định về tính liên tục của đề tài TTNT -> ĐA chuyên ngành -> LVTN

➤ **Kết luận:**

- **Hiện hành: TTNT và Đề cương luận văn (ĐCLV)/Đồ án (ĐA) chuyên ngành là song hành**

**2.3.3. Thực hiện các học phần tốt nghiệp:**

- **Nhắc lại:**
  - Khoa phải quy định: Quy trình, rubric, biểu mẫu chấm các học phần tốt nghiệp
- **Xin ý kiến về quy trình chấm LVTN:**
  - Khoa gửi cho phòng Đào tạo(PĐT) đề xuất HĐ, tên đề tài (Việt/Anh), nhiệm vụ đề tài (tóm tắt), kèm điểm hướng dẫn (HD) & Phản biện (PB) ngay sau tuần PB
  - PĐT kiểm tra điểm, kiểm tra môn tiên quyết (TQ) (TTNT, ĐCLV/ĐA chuyên ngành, ...)
  - PĐT trình Ban Giám hiệu ra quyết định thành lập các HĐ
  - Khoa tổ chức HĐ trong khung thời gian 02 tuần sau tuần PB
    - ✓ Nếu SV vắng có lý do chính đáng, Khoa linh động cho SV bảo vệ (BV) vào thời gian khác chậm nhất là thêm 01 tuần HOẶC hoãn bảo vệ đến học kỳ sau (giữ nguyên điểm HD, PB và quyền báo cáo)

- Khoa quy định thời gian chỉnh sửa và hoàn tất nộp quyền Luận văn tốt nghiệp (LVTN) sau ngày bảo vệ: tối đa 1-2 tuần
- Khoa gửi PĐT các biên bản hội đồng, bảng điểm + chữ ký nộp quyền, danh sách đầy đủ tên đề tài (Việt/Anh) + Giảng viên hướng dẫn (GVHD): tối đa 02 tuần sau tuần BV
  - ✓ Nếu cần điều chỉnh tên đề tài, điều chỉnh GVHD, ... phải có minh chứng ghi vào trong biên bản
- Xin ý kiến chỉnh sửa Quyết định (QĐ) 2932
  - (5.2: Gạch đầu dòng thứ nhất “Phần này chiếm trọng số tối thiểu 50% của điểm đề án chuyên ngành.”) (đã bị viết sai thành TTNT)
  - 7.4: Hai para cuối
    - ✓ “Sinh viên phải trình bày báo cáo với giảng viên chấm phản biện theo hình thức vấn đáp.
    - ✓ Giảng viên hướng dẫn và chấm phản biện nộp các phiếu đánh giá khoá luận tốt nghiệp về Khoa, chậm nhất là 03 ngày trước khi hội đồng bảo vệ khoá luận tốt nghiệp diễn ra.”

➤ **Kết luận:**

- *Khoa phải quy định: Quy trình, rubric, biểu mẫu chấm các học phần tốt nghiệp*
- *Khoa:*
  - ✓ *Phải kiểm tra điểm trước khi HĐ*
  - ✓ *Thời gian bảo vệ không quá 02 tuần sau tuần PB*
  - ✓ *Chỉnh sửa LVTN và nộp lại trong 02 tuần*
  - ✓ *Khoa gửi PĐT các BB hội đồng, bảng điểm + chữ ký nộp quyền, danh sách đầy đủ tên đề tài (Việt/Anh) + GVHD: tối đa 03 tuần sau tuần BV*
  - ✓ *Nếu cần điều chỉnh tên đề tài, điều chỉnh GVHD, ... phải có minh chứng ghi vào trong biên bản*
- *Chỉnh sửa QĐ 2932:*
  - ✓ *“Hình thức chấm phản biện là vấn đáp, trong đó sinh viên phải trình bày báo cáo với giảng viên chấm phản biện và trả lời các câu hỏi của giảng viên chấm phản biện về nội dung đề tài và thực hiện đề tài.*
  - ✓ *Giảng viên hướng dẫn và chấm phản biện nộp các phiếu đánh giá khoá luận tốt nghiệp về Khoa, chậm nhất là sau 02 ngày làm việc sau tuần phản biện của học kỳ theo biểu đồ kế hoạch học tập.”*

**2.3.4. Hoãn thi, miễn thi, miễn điểm, ràng buộc thành phần điểm:**

Ràng buộc điểm thi và các cột điểm:

- Hiện nay:
  - Điểm Thí nghiệm (TNg) < 4.0 => cấm thi (điểm tổng kết = 0.0)
  - Các ràng buộc khác: Đề cương môn học
- Xin ý kiến:
  - Tất cả các thành phần phải có điểm > 0. (Sẽ cấm thi khi có bất kỳ thành phần điểm nào = 0)

- Hoãn thi
  - Các môn học (MH) không có ngày thi cụ thể (kể cả LVTN), Khoa/BM chủ động tổ chức đánh giá, không hoãn thi.
  - Các MH có ngày thi cụ thể, vận dụng quy định thi sớm hoặc muộn, trường hợp không vận dụng được mới hoãn thi và thi vào các HK sau (trong 1 năm).
  - Đảm bảo công bằng:
    - ✓ Hiện cho phép cải thiện điểm thành phần, nhưng tổng kết chỉ là D, không thành Khá, Giỏi
    - ✓ Phải lưu vết và minh chứng cho công tác thanh tra.
  - Miễn điểm và học: xin ý kiến về cách triển khai
    - ✓ SV học và có điểm không đạt, được miễn sẽ là miễn
    - ✓ Tại thời điểm xét miễn: chỉ xét các môn chưa học hoặc học mà chưa đạt
    - ✓ SV học và có điểm đạt, tính điểm trung bình (ĐTB) theo điểm học
  - Miễn các học phần tốt nghiệp:
    - ✓ Chỉ cho phép khi chuyển từ chính quy sang Vừa làm vừa học đúng ngành
- **Kết luận:**
  - *Tất cả các thành phần phải có điểm > 0. (Sẽ cấm thi khi có bất kỳ thành phần điểm nào = 0)*

### 2.3.5. Môn tương đương/thay thế:

- Môn tương đương/thay thế:
  - Hiện nay: xét miễn môn, không tính điểm trung bình
  - Xin ý kiến:
    - ✓ Tính điểm TB (theo đúng số TC của MH mới)
    - ✓ (Các MH đã học trong văn bằng trước đó, học từ cơ sở khác, ... => Miễn điểm)
    - ✓ Phải được sự đồng ý của Cố vấn học tập trước khi đăng ký học (?)
- Tổ chức lớp dạng hướng dẫn tự học:
  - Dùng MH tương đương/thay thế
  - Không mở lớp dạng hướng dẫn đồ án/tự học.
- **Kết luận:**
  - *Tính điểm trung bình (theo đúng số tín chỉ của MH mới)*

### 2.3.6. Xử lý vi phạm thi/đánh giá:

- Xin ý kiến về cách triển khai:
  - Sai phạm điểm thành phần thì xử lý điểm thành phần
  - Sai phạm thi (cuối kỳ) thì xử lý cho cả học phần (điểm tổng kết)
  - Sai phạm nghiêm trọng thì xử lý cả học phần (điểm tổng kết)

➤ **Kết luận:**

- Sai phạm điểm thành phần thì xử lý điểm thành phần
- Sai phạm thi (cuối kỳ) thì xử lý cho cả học phần (điểm tổng kết)
- Sai phạm nghiêm trọng thì xử lý cả học phần (điểm tổng kết)

**2.3.7. Ràng buộc tiên quyết học phần:**

- Nhắc lại điều kiện tiên quyết (TQ):
  - A là TQ của B thì phải tích lũy A trước khi đăng ký học B.
    - ✓ Khi đăng ký môn học, đang học được xem tạm đạt
  - Phải hậu kiểm TQ/Song hành (SH): môn trước không đạt thì môn sau phải huỷ (cấm thi).
- Xin ý kiến:
  - MH cơ sở ngành có TQ là Nhập môn Kỹ thuật.
  - MH ngành/chuyên ngành(mức độ 3-4) có môn TQ là MH cơ sở ngành (mức 2).
  - Các MH cùng mức độ năm đào tạo hạn chế tiên quyết lẫn nhau, có thể có SH (học cùng HK).
  - Môn HT => chuyển thành TQ hoặc thành KN (khuyến nghị, recommended)

➤ **Kết luận:**

- Môn HT => chuyển thành TQ hoặc thành KN (khuyến nghị, recommended)

**2.3.8. Đăng ký môn học:**

- Số tín chỉ (TC) tối thiểu
  - Xin ý kiến: Buộc đăng ký đủ => Ra QĐ tạm dừng
- Tổ chức lớp dạng hướng dẫn tự học:
  - Dừng MH tương đương/thay thế
  - Không mở lớp dạng hướng dẫn đề án/tự học.
- TC tự chọn tự do: xin ý kiến
  - Cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành
  - Môn cao học/Ks miễn bậc ĐH
- Rút MH
  - Bảng điểm ghi đầy đủ điểm rút MH (điểm W)

➤ **Kết luận:**

*TC tự chọn tự do:*

- Cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành
- Môn cao học/kỹ sư miễn bậc đại học

**2.3.9. Trao đổi SV:**

- Nhận bằng đôi:

*Handwritten signature*

- là thoả thuận giữa 02 trường, SV buộc phải đồng thời nhận cả 02 bằng: hoàn tất công nhận tương đương, xét đủ điều kiện cấp bằng của trường => cả 02 trường cấp bằng cùng lúc
  - ✓ Cần report từng HK (chuyển điểm từng HK)
- Nếu không thoả mãn => yêu cầu đối tác không cấp bằng !
- Hoặc quy định trong tối đa xx tháng sau khi kết thúc học ở đối tác phải làm thủ tục cấp bằng tại trường. Thời gian cấp bằng nằm trong khung thời gian đào tạo.
- Trao đổi:
  - Trước khi đi phải có thoả thuận trao đổi tín chỉ, SV phải ký form đi với đủ các điều khoản và cam kết. Lưu ý về tương đương/miễn môn với kiến thức và tín chỉ. Môn học ở đối tác phải được ghi vào bảng điểm (mục tích lũy ngoài, tương tự cho các trường hợp miễn môn khác.
  - Phải có trong CTĐT của SV, được ghi vào bảng điểm (theo QC 08 của Bộ)
  - Về đúng hạn => Ra QĐ tạm dừng nếu không đúng hạn (hay thôi học?)
- **Kết luận:**
  - là thoả thuận giữa 02 trường, SV buộc phải đồng thời nhận cả 02 bằng: hoàn tất công nhận tương đương, xét đủ điều kiện cấp bằng của trường => cả 02 trường cấp bằng cùng lúc
    - ✓ Cần report từng HK (chuyển điểm từng HK)

### 2.3.10. Chuyển ngành/chương trình:

- Hiện nay:
  - Không quy định rõ về khi chuyển ngành/chương trình dùng cùng một phương thức
- Xin ý kiến:
  - Giữ nguyên (tức cho phép linh động dùng phương thức tốt nhất)
  - Thêm điều kiện là dùng cùng một phương thức tuyển sinh như khi trúng tuyển ngành/chương trình đầu vào
- **Kết luận:**
  - Giữ nguyên (tức cho phép linh động dùng phương thức tốt nhất)

### 2.3.11. Sĩ số lớp của chương trình Chất lượng cao/Tiến tiến:

- (Điều 14.2 VB hợp nhất = Điều 4.2 Học vụ bậc ĐH)
- Xin ý kiến: bỏ đoạn quy định sau
  - “Các lớp học phần của các chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến, có sĩ số trong khoảng 60 - 80 cho các học phần đại cương và khoảng 30 - 45 cho các học phần khác.”

➤ **Kết luận:**

*Bỏ đoạn quy định sau “Các lớp học phần của các chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến, có sĩ số trong khoảng 60 - 80 cho các học phần đại cương và khoảng 30 - 45 cho các học phần khác.”*

**2.3.12. Chuyển hình thức đào tạo chính quy sang VLVH/ĐTTXa:**

- Điều 25, Quy chế (QC) đào tạo chung
  - Điều 25.5 Chuyển hình thức đào tạo “Sinh viên theo hình thức đào tạo chính quy có thể xin chuyển sang hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, nếu ngành đang học có hình thức đào tạo này và còn đủ thời gian đào tạo tối đa theo quy định của hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.”
- Điều 14, QC đào tạo ĐH
  - Điều 37.3 Buộc thôi học
  - Ngoại trừ trường hợp bị kỷ luật ở mức buộc thôi học, sinh viên chính quy bị buộc thôi học có thể được xem xét thu nhận lại để chuyển sang hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.
- Xin ý kiến:
 

Trong thời hạn 01 năm

➤ **Kết luận:**

*Giữ nguyên quy định hiện hành*

**2.3.13. Chấm TTNT, ĐA:**

- Điều 19\_HVChung (Điều 25 VB hợp nhất)
  - 25.4. Bỏ paragraph thứ hai và ba
    - ✓ “Các học phần đồ án, thực tập ngoài trường được chấm theo hình thức bảo vệ hội đồng. Kết quả đánh giá là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, được làm tròn tới một số lẻ. Vấn đề lệch điểm giữa các thành viên được giải quyết như hình thức vấn đáp.
    - ✓ Riêng môn thực tập ngoài trường, cần phải tham khảo đánh giá thực tập từ phía cơ sở thực tập khi đánh giá kết quả cuối cùng. Khoa cũng có thể mời các đại diện phía các cơ sở thực tập cùng tham gia chấm bài.”
- **Kết luận:**
  - Điều 19\_HVChung (Điều 25 VB hợp nhất)
  - Điều 25.4. Bỏ paragraph thứ hai và ba:
    - ✓ “Các học phần đồ án, thực tập ngoài trường được chấm theo hình thức bảo vệ hội đồng. Kết quả đánh giá là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, được làm tròn tới một số lẻ. Vấn đề lệch điểm giữa các thành viên được giải quyết như hình thức vấn đáp.
    - ✓ Riêng môn thực tập ngoài trường, cần phải tham khảo đánh giá thực tập từ phía cơ sở thực tập khi đánh giá kết quả cuối cùng. Khoa cũng có thể mời các đại diện phía các cơ sở thực tập cùng tham gia chấm bài.”

*Thị*

## 2.4. Tên gọi các chương trình:

### Tên gọi chương trình – Đề nghị thông qua

- Chương trình tiêu chuẩn - Standard program
- Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh - English-taught program
- Chương trình Tiên tiến - Advanced program
- Chương trình KS CLC Việt-Pháp - Programme de Formation d'Ingénieurs d'Excellence au Vietnam (PFIEV) - Excellence Engineer Training Program in Vietnam
- Chương trình định hướng Nhật Bản - Japanese-oriented program
- Chương trình chuyển tiếp quốc tế - Twinning program
  - ✓ Chương trình tăng cường Tiếng Nhật – Japanese Twinning program
  - ✓ Chuyển tiếp quốc tế - International Twinning program
- Chương trình tiêu chuẩn - Standard program
  - ✓ Giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Việt
  - ✓ (Là chương trình đại trà hiện nay)
- Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh - English-taught program
  - ✓ Giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ các nội dung theo quy định giảng dạy bằng tiếng Việt), chương trình đào tạo là của chương trình tiêu chuẩn, có bổ sung một số nội dung mở rộng về kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, sáng tạo-khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học-ứng dụng.
  - ✓ (Là chương trình CLC tiếng Anh hiện hành.)
- Chương trình Tiên tiến - Advanced program
  - ✓ Giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ các nội dung theo quy định giảng dạy bằng tiếng Việt), chương trình đào tạo được thiết kế từ chương trình đào tạo của trường tiên tiến nước ngoài theo quy định của Thủ tướng, có sự điều chỉnh phù hợp với quy định và điều kiện của Việt Nam.
- Chương trình KS CLC Việt-Pháp - Programme de Formation d'Ingénieurs d'Excellence au Vietnam (PFIEV) - Excellence Engineer Training Program in Vietnam
  - ✓ Giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Việt, chương trình đào tạo được thiết kế với sự hợp tác chặt chẽ của các đối tác Pháp, trong khuôn khổ hiệp định giữa Chính phủ Việt nam và Pháp. Đào tạo cấp bằng tương đương ThS. Sinh viên tham gia chương trình có cơ hội nhận bằng đối tác Pháp (và bằng của trường - bằng đôi), hoặc phụ lục bằng phía Pháp.
- Chương trình định hướng Nhật Bản - Japanese-oriented program
  - ✓ Giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Việt, có một số học phần có thể có GV người Nhật giảng dạy bằng tiếng Nhật, chương trình đào tạo là của chương trình tiêu chuẩn, có bổ sung một số nội dung mở rộng về kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, sáng tạo-khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học-ứng dụng và bao gồm một khoá đào tạo tiếng Nhật để đạt chuẩn đầu ra tương đương JLPT N3 trở lên.
  - ✓ (Là chương trình CLC tăng cường tiếng Nhật hiện hành.)
- Chương trình chuyển tiếp quốc tế - Twinning program

### Chương trình tăng cường Tiếng Nhật – Japanese Twinning program

- ✓ Giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Việt, chương trình đào tạo là của chương trình tiêu chuẩn, có bổ sung một số nội dung mở rộng về kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, sáng tạo-khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học-ứng dụng và bao gồm một khoá đào tạo tiếng Nhật để đạt chuẩn đầu ra tương đương JLPT N3 trở lên.
- ✓ Sinh viên theo học để chuyển tiếp sang trường đối tác Nhật Bản hoàn tất bậc Đại học.
- ✓ (Là chương trình Tăng cường tiếng Nhật hiện hành.)

### Chuyển tiếp quốc tế - International Twinning program

- ✓ Giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ các nội dung theo quy định giảng dạy bằng tiếng Việt), chương trình đào tạo là của chương trình tiêu chuẩn, có bổ sung một số nội dung mở rộng về kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, sáng tạo-khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học-ứng dụng.
- ✓ Sinh viên theo học để chuyển tiếp sang trường đối tác nước ngoài hoàn tất bậc Đại học.
- ✓ (Là chương trình LKQT trước đây và là Chuyển tiếp quốc tế hiện hành.)

## 2.5. Chương trình Cử nhân (CN) – Kỹ sư (KS) – Thạc sĩ (ThS):

### 2.5.1. Chương trình Cử nhân – Kỹ sư – Thạc sĩ:

- Xin ý kiến:
  - Sĩ số: Theo quy định bậc ĐH
  - Năng lực giảng viên (GV): Như bậc Thạc sĩ (ThS)
  - Tính khối lượng giảng dạy (KLGD): Như bậc ĐH
  - Địa điểm mở lớp:
    - ✓ Cơ sở Lý Thường Kiệt (CS LTK): khó khăn về xếp TKB, về chi phí vận hành
    - ✓ CS Dĩ An: thu hút SV?

#### ➤ Kết luận:

- Sĩ số: Theo quy định bậc ĐH
- Năng lực GV: Như bậc ThS
- Tính KLGD: Như bậc ĐH
- Địa điểm mở lớp:
  - ✓ CS LTK: cần nhắc các khó khăn về xếp TKB, về chi phí vận hành
  - ✓ CS Dĩ An: cần nhắc vấn đề thu hút SV?

### 2.5.2. Việc miễn môn ĐH khi học KS-ThS:

Các MH bậc KS-ThS xét miễn bậc ĐH

- Nhắc lại nguyên lý:
  - Tích lũy sớm các MH bậc KS-ThS
  - Có thể xét miễn một số học phần bậc ĐH (12TC) để rút ngắn thời gian đào tạo



✓ Học 1 lần, HP 1 lần => công nhận 2 lần (tích lũy ở bậc KS-ThS, miễn ở bậc ĐH)

- Vấn đề:
  - SV có thể thiếu TC khi xét HBKK (?)
  - SV có thể thiếu động lực khi học KS-ThS (??) (Vì không tính điểm TB - chỉ cần học đạt)
- Xin ý kiến:
  - Tính điểm trung bình học kỳ và trung bình tích lũy

➤ **Kết luận:**

*Tính điểm trung bình học kỳ và trung bình tích lũy*

**2.5.3. Quy trình Đăng ký môn học bậc KS:**

- SV đkmh các MH bậc KS (mã xx5yyy) với PĐT
- Các Khoa mở lớp bậc KS với PĐT
- Sau khi hoàn tất đkmh, PĐT gửi danh sách SV đăng ký về PĐTSDH
- PĐTSDH hậu kiểm SV có thuộc chương trình liên thông CN-ThS
- ✓ Nếu chưa có => SV phải đăng ký tham gia liên thông CN-ThS
- Nếu không thoả điều kiện liên thông => PĐT huỷ đkmh

**2.5.4. SDH: Quy trình xét miễn môn CN-ThS:**

- SV (chương trình liên thông CN-ThS) đkmh tại PĐTSDH
- Sau khi hoàn tất, PĐTSDH gửi danh sách đkmh, kèm theo môn sẽ miễn bậc ĐH cho PĐT
- ✓ Lưu ý: Khoa Máy tính vẫn còn ở trường hợp học môn này miễn môn kia (!)
- (Khi đkmh bậc ĐH, các MH đang học xem như tạm đạt)
- Sau khi có điểm, PĐTSDH gửi danh sách điểm và miễn môn cho PĐT
- PĐT ra quyết định miễn môn
- ✓ Hậu kiểm (!)

**2.5.5. Bằng cấp (nhắc lại):**

- K2018 về trước:
  - ✓ KS – Bachelor of Engineering
- K2019 về sau
  - ✓ Cử nhân – Bachelor of Engineering
  - ✓ KS – Degree of Engineer

**2.6. Vấn đề song ngành:**

**2.6.1. Song ngành trong trường:**

- Chưa ban hành chương trình
  - (Ngoại trừ song ngành tuyển sinh từ đầu Hàng không – Tàu thủy)
  - Khoa Điện có ban hành
- Quy định (TT 17/2021): + min 30TC
  - Đại học Quốc gia ĐHQG: + max 60 TC

*Handwritten signature*

- Xin ý kiến:
  - Giữ nguyên (tức SV tự chủ động nội dung học, tham vấn GVCN/Cố vấn học tập) và một số ngành có song ngành
  - Yêu cầu các Khoa công bố chương trình song ngành

➤ **Kết luận:**

- *Giữ nguyên (tức SV tự chủ động nội dung học, tham vấn GVCN/Cố vấn học tập) và một số ngành có song ngành*

### 2.6.2. Song ngành dạng **Bảng 2** trong ĐHQG

Triển khai thế nào?

- Khối kiến thức Toán + KHTN: sẵn sàng công nhận

➤ **Kết luận:**

- *Khối kiến thức Toán + KHTN: sẵn sàng công nhận*

### 2.6.3. Song ngành chính-phụ (trong trường)

- Chưa ban hành chương trình
- Quy định (TT 17/2021) + min 15TC
- Xin ý kiến:
  - Giữ nguyên (tức SV tự chủ động nội dung học, tham vấn GVCN/Cố vấn học tập) và một số ngành có song ngành chính-phụ
  - Yêu cầu các Khoa công bố chương trình song ngành
  - Cho phép một số ngành buộc SV phải chọn chính - phụ

➤ **Kết luận:**

*Giữ nguyên (tức SV tự chủ động nội dung học, tham vấn GVCN/Cố vấn học tập) và một số ngành có song ngành chính-phụ*

### 2.7. Công tác GVCN/Cố vấn học tập:

Điều 19, TT 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016)

#### “**Chủ nhiệm lớp sinh viên**

Căn cứ Điều kiện cụ thể, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc Trưởng khoa phân công giảng viên, viên chức của nhà trường làm công tác chủ nhiệm lớp sinh viên để hỗ trợ quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp sinh viên.

#### **Cố vấn học tập**

- Căn cứ Điều kiện cụ thể, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc Trưởng khoa phân công giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho sinh viên để tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo. Cơ sở giáo dục đại học có thể phân công một giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập và chủ nhiệm lớp sinh viên.”

- Xin ý kiến:

Thí điểm Cố vấn học tập tách rời

- Ngành-Khoá (Anh/Việt): 01 GV nắm vững ngành/nghề, quy định học vụ, CTĐT, ...
  - ✓ HD ngành phân công
  - ✓ Sơ kết sau năm học
- 01 CVHT có thể phụ trách nhiều ngành-khoá
- Diện Cảnh báo Học vụ phải gặp CVHT hoặc GVCN trước khi đăng ký môn học
  - ✓ Gặp tham vấn trước kỳ đăng ký môn học
  - ✓ Gặp trong quá trình đăng ký môn học
  - ✓ Bản đăng ký môn học cuối cùng phải được sự đồng ý của CVHT/GVCN
- Có thể phân công một GV vừa làm GVCN, vừa làm CVHT

➤ **Kết luận:**

Thí điểm Cố vấn học tập tách rời

- Ngành-Khoá (Anh/Việt): 01 GV nắm vững ngành/nghề, quy định học vụ, CTĐT, ...
  - ✓ HD ngành phân công
  - ✓ Sơ kết sau năm học
- Diện Cảnh báo Học vụ phải gặp CVHT trước khi đăng ký môn học
  - ✓ Gặp tham vấn trước kỳ đăng ký môn học
  - ✓ Gặp trong quá trình đăng ký môn học
  - ✓ Bản đăng ký môn học cuối cùng phải được sự đồng ý của CVHT

## 2.8. Chương trình tài năng:

### 2.8.1. Vấn đề hiện nay:

- Chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của sinh viên
- Sinh viên thất vọng về chương trình
- Hy vọng về sự thay đổi

### 2.8.2. Giải pháp đã được thống nhất:

- Không gian chung
- Lớp riêng
- Tăng cường tiếng Anh
- Mở tại CS LTK – nếu cần/đủ chỗ
  - ✓ Lợi:
    - ❖ Máy lạnh
    - ❖ GV
  - ✓ Khó khăn:
    - ❖ Không đủ sĩ số lớp
    - ❖ (Cách dạy truyền thống)
    - ❖ SV di chuyển

*Handwritten signature*

➤ **Kết luận:**

- *Lớp riêng khi đủ sĩ số*
- *Mở tại CS LTK – nếu cần/đủ chỗ*
  - ✓ *Lợi:*
    - ❖ *Máy lạnh*
    - ❖ *GV*
  - ✓ *Khó khăn:*
    - ❖ *Không đủ sĩ số lớp*
    - ❖ *(Cách dạy truyền thống)*
    - ❖ *SV di chuyển*

**2.9. Xử lý học vụ:**

**2.9.1. Các trường hợp xử lý học vụ:**

- SV không đăng ký MH
- SV có số TC < quy định
- SV thỏa điều khoản xử lý học vụ
- ✓ Cảnh báo học vụ
- ✓ Buộc thôi học

**2.9.2. Thống kê Xử lý học vụ:**

- Cảnh báo 1: 471
- Cảnh báo 2: 285
- Buộc thôi học vì ĐTBHK=0: 527
- Buộc thôi học vì học lực kém: 541

**2.9.3. Xử lý học vụ VLVH:**

	<b>Cảnh cáo học vụ</b>	<b>Tạm dừng không ĐKMH</b>	<b>Buộc thôi học tự ý nghỉ học</b>	<b>Còn lại</b>
Từ K2016 về trước	178	133	197	508
K2017	65	20	165	158
K2018	25	9	39	52
K2019	31	121	35	204
K2020	67	8		238
K2021		2		76
<b>Tổng cộng</b>	<b>366</b>	<b>293</b>	<b>436</b>	<b>1.236</b>

**2.10. Xét Tốt nghiệp:**

**2.10.1. Báo cáo tình hình Xét tốt nghiệp:**

- Đã có QĐ:
  - ✓ CQ: 1393
  - ✓ KCQ:
- Dự kiến TN:
  - ✓ CQ: 1946

*Handwritten signature*

✓ KCQ:

- Đã và đang xét TN:

Khoa	Tổng XS	Tổng Giỏi	Tổng Khá	Tổng TB Khá	Tổng TB	Tổng cộng
Bảo dưỡng CN			12	7		19
Cơ khí	1	77	163	26		267
Địa chất Dầu khí		6	28	6		40
Điện – Điện tử	2	60	114	66		242
KT Giao thông		10	52	9		71
KT Hóa học	4	101	139	11		255
Môi trường & Tài nguyên		11	26	5		42
KH&KT Máy tính	5	69	66	11		151
Quản lý Công nghiệp	1	20	46	7		74
KH Ứng dụng		4	17	7		28
KT Vật liệu			23	24		47
KT Xây dựng		14	90	53		157
<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>	<b>372</b>	<b>776</b>	<b>232</b>	<b>0</b>	<b>1.393</b>

- Xét HCV, HCB:

- PĐT chốt danh sách 10:00 ngày 21/10 => gửi cho Khoa lúc 15:00 ngày 21/10
- Thời điểm nộp cho PĐT
  - ✓ Thứ năm 03/11/2022
- Lễ Tốt nghiệp?
  - ✓ Thứ sáu-bảy, ngày 18-19/11/2022

**2.10.2. Xét tốt nghiệp cho các trường hợp hoãn thi:**

- Đề nghị:
  - Vẫn tiếp tục xét tốt nghiệp khi có điểm
  - Ngày ký bằng theo đúng hiện hành
  - Thời điểm xét hết hạn đào tạo theo đúng HK SV có học
- Thống kê:
  - Còn vài SV

**2.10.3. Tổ chức Lễ tốt nghiệp:**

- Số lượng:
  - ✓ ĐH: ~2400
  - ✓ ThS: 228
  - ✓ TS: 27
- ThS về Khoa
- Chia ca
- Lễ phục:
  - ✓ 1200 -> 2000 bộ

*Handwritten signature*

➤ **Kết luận:**

- Ngày tổ chức lễ tốt nghiệp: 18-19/11/2022
- Chia ca
- Lễ phục: mẫu mới
- Khoa thu giúp
- Xét HCV, HCB:
  - ✓ PĐT chốt danh sách 10:00 ngày 21/10 => gửi cho Khoa lúc 15:00 ngày 21/10
  - ✓ Thời điểm nộp cho PĐT

**2.10.4. Chia ca dự Lễ tốt nghiệp:**

**Sáng Thứ 6:** Trường (Tiến sĩ + Huy chương vàng + Khen + Việt pháp) +KT Xây dựng

**Chiều Thứ 6:** Văn phòng Đào tạo Quốc tế + KT Vật liệu + Quản lý Công nghiệp

**Sáng Thứ 7:** Cơ khí + TT Bảo dưỡng Công nghiệp + KT Hoá học + KT Giao thông

**Chiều Thứ 7:** Điện – Điện tử + KH&KT Máy tính + Địa chất và Dầu khí + KH Ứng dụng + Môi trường và Tài nguyên

**2.11. Về xây dựng CTĐT:**

**2.11.1. Các Khoá 2019, 2020:**

Đã ký ban hành CTĐT các Khoá 2019, 2020

- Bản vận hành (theo khối kiến thức + theo kế hoạch giảng dạy)
- Thiếu bản đầy đủ theo TT 17/2021/TT-BGDĐT (thay cho TT 07/2015/TT-BGDĐT) (về chuẩn CTĐT và quy trình) và TT 36/2017/TT-BGDĐT (công khai)
  - ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
  - ✓ Môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên

**2.11.2. Khoá 2021:**

Đã có bản vận hành (theo khối kiến thức + theo kế hoạch giảng dạy)

- Chưa ký ban hành

Đã có bản đầy đủ (?)

- Gồm:

- ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
- ✓ Tóm tắt môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên

Xây dựng và trích xuất từ phần mềm

Đang nộp về P.KT&ĐBCL => cổng HCMUT (?)

Đề nghị gửi về PĐT để xác nhận và trình ký ban hành chính thức

- **Thời hạn: 04/11/2022**

**2.11.3. Khoá 2022:**

Đã ban hành các quyết định về các HĐ xây dựng, thẩm định CTĐT  
Cần gửi về PDT

- Bản vận hành (theo khối kiến thức + theo kế hoạch giảng dạy)
  - ✓ Còn cần không?
- Bản đầy đủ
  - ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
  - ✓ Tóm tắt môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên
- Xây dựng và trích xuất từ phần mềm
- **Thời hạn: 18/11/2022**

**2.11.4. Khoá 2019, 2020 (làm lại):**

Cần gửi về PDT

- Bản đầy đủ
  - ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
  - ✓ Tóm tắt môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên
- Xây dựng và trích xuất từ phần mềm
- **Thời hạn: 02/12/2022**

**2.11.5. Khoá 2023:**

Cần gửi về PDT

- Bản vận hành (theo khối kiến thức + theo kế hoạch giảng dạy)
  - ✓ Còn cần không?
- Bản đầy đủ
  - ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
  - ✓ Tóm tắt môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên
- Xây dựng và trích xuất từ phần mềm
- **Thời hạn: Trước 5/2023**

**2.11.6. Chương trình Kỹ sư cho K2019, 2021, 2022, 2023:**

Cần gửi về PDT

- Bản vận hành (theo khối kiến thức + theo kế hoạch giảng dạy)
  - ✓ Còn cần không?
- Bản đầy đủ
  - ✓ CTĐT: Mục tiêu, CDR, ...
  - ✓ Tóm tắt môn học: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên
- Xây dựng và trích xuất từ phần mềm
- **Thời hạn: Trước 5/2023**

➤ **Kết luận:**

*Thời gian nộp chương trình đào tạo các khóa:*

- Khóa 2021: Thời hạn: 4/11/2022
- Khóa 2022: Thời hạn: 18/11/2022
- Khóa 2019,2020: Thời hạn: 02/12/2022
- Khóa 2022: Trước 5/2023
- Chương trình Kỹ sư cho K2019, 2021, 2022, 2023: Trước 5/2023

**2.12. Vấn đề tiếng Anh của K2021:**

**2.12.1. Thống kê:**

Khoa	Sĩ số	Chưa đạt AVCB	Chưa đạt AV1	Đang học AV1	Đã hoàn thành 4 môn AV
Bảo dưỡng CN	97	48	8	7	11
Cơ khí	611	155	46	57	217
Địa chất Dầu khí	113	40	13	14	17
Điện – Điện tử	635	111	45	25	293
KT Giao thông	138	27	10	8	68
KT Hóa học	336	50	15	11	163
KH Ứng dụng	111	18	5	9	32
Môi trường & Tài nguyên	113	20	7	13	33
KH&KT Máy tính	379	55	7	10	249
Quản lý Công nghiệp	123	19	11	6	48
Tài năng	16	2			11
KT Vật liệu	201	76	24	17	24
Việt Pháp	153	51	7	3	60
KT Xây dựng	638	224	51	75	135
OISP	1460				1361
<b>Tổng</b>		<b>896</b>	<b>249</b>	<b>255</b>	<b>3745</b>

**2.12.2. Xin ý kiến cho K2021:**

Sau khi tổ chức kiểm tra Anh văn bổ sung tuần 42

- Tổng hợp danh sách

Các trường hợp vẫn không đạt AV cơ bản (không đủ điều kiện học AV1)

- Buộc học AV cơ bản, mở lớp ngoài giờ, ngắn hạn tại CS1 và CS2
- Tiếp tục cho gia hạn thêm 01 học kỳ, tổ chức kiểm tra chung với K2022 vào hè 2022-2023
- (Ở HK222, chỉ được đăng ký các MH năm 1)

Các trường hợp đủ AV cơ bản (đủ điều kiện học AV1), nhưng chưa học AV1

- Buộc học AV1, mở lớp ngoài giờ, ngắn hạn tại CS1 và CS2
- ✓ Đăng ký MH năm 2 vào HK222
- Không buộc học AV1, ở HK222 chỉ được đăng ký các MH năm 1



Đưa vào điều kiện cảnh báo học vụ nếu không đúng lộ trình AV

➤ **Kết luận:**

*Các trường hợp vẫn không đạt AV cơ bản (không đủ điều kiện học AV1)*

- Buộc học AV cơ bản, mở lớp ngoài giờ, ngắn hạn tại CS1 và CS2
- Ở HK222, chỉ được đăng ký các MH năm 1

*Các trường hợp đủ AV cơ bản (đủ điều kiện học AV1), nhưng chưa học AV1*

- Buộc học AV1, mở lớp ngoài giờ, ngắn hạn tại CS1 và CS2

*Đưa vào điều kiện cảnh báo học vụ nếu không đúng lộ trình AV*

**2.13. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đào tạo SDH:**

- Các quy định về chuẩn trình độ ngoại ngữ đào tạo SDH được quy định trong nhiều văn bản khác nhau: quy chế tuyển sinh SDH, quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ.
- Chuẩn trình độ ngoại ngữ tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ tăng lên chuẩn B2 (trước đây là B1) dẫn đến yêu cầu cung cấp lộ trình nâng cao trình độ ngoại ngữ cho học viên.
- Bổ sung thêm các quy định cập nhật về chuẩn trình độ ngoại ngữ của ĐHQG-HCM và Bộ GDĐT.

Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu vào và ra của Chương trình Cao học:

Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Chuẩn đầu vào và ra Thạc sĩ K2021 về trước	Chuẩn đầu vào Thạc sĩ K2022	Chuẩn đầu ra Thạc sĩ K2022
Tiếng Anh	TOEFL iBT	45	30	46
	IELTS	4.5	4.0	5.5
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe-đọc: 450. Nói-viết: 201.	Nghe: 275 Đọc: 275 Nói: 120 Viết: 120	Nghe: 400 Đọc: 385 Nói: 160 Viết: 150
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Mức: Pass	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160
	Chứng chỉ/Chứng nhận ngoại ngữ của các CSĐT được Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM phê duyệt	Công nhận các chứng chỉ/chứng nhận của ĐHQG-HCM.	Bậc 3/6 (B1)	Bậc 4/6 (B2)

Các môn học Anh văn 1, Anh văn 2 (mỗi môn 90 tiết) cung cấp lộ trình học tập để học viên đạt được chuẩn ngoại ngữ đầu ra.

Chuẩn ngoại ngữ	Học phần ngoại ngữ yêu cầu	Chứng chỉ Tiếng Anh tương đương
-----------------	----------------------------	---------------------------------

*Handwritten signature*

Năm thứ 2 (đăng ký từ tín chỉ 31 trở đi)	Anh văn 1	TOEIC: Nghe-đọc 650; Nói-viết: 270. IELTS: 4.5. TOEFL iBT: 35.
Nhận/Bảo vệ Luận văn Thạc sĩ	Anh văn 1, 2	TOEIC: Nghe-đọc 650; Nói-viết: 310. IELTS: 5.5. TOEFL iBT: 46.

Xin ý kiến:

- Học viên được miễn các môn học Anh văn 1, 2 khi có các chứng chỉ Tiếng Anh tương đương.
- Bổ sung quy định công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ đầu vào (nằm trong Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ):
- Xin ý kiến:  
Đối với trường hợp dự tuyển cao học, thí sinh được xét công nhận chuẩn đầu vào ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHBK cấp trong thời gian không quá 02 năm từ ngày tốt nghiệp đến ngày đăng ký dự tuyển và chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đại học đạt trình độ Bậc 3 trở lên trong KNLNNVN.  
Xin ý kiến về việc triển khai các môn Anh văn 1, 2 và áp dụng điều kiện hoàn thành các môn học Anh văn 1, 2 khi học viên đăng ký các môn học ở năm 2 (từ TC thứ 31 trở đi), LVThS.

➤ **Kết luận:**

*Đối với trường hợp dự tuyển cao học, thí sinh được xét công nhận chuẩn đầu vào ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHBK cấp trong thời gian không quá 02 năm từ ngày tốt nghiệp đến ngày đăng ký dự tuyển và chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đại học đạt trình độ Bậc 3 trở lên trong KNLNNVN.  
Học viên cần hoàn thành môn học Anh văn 1 để có thể đăng ký môn học ở năm 2 (từ tín chỉ thứ 31 trở đi) và Anh văn 1,2 trước khi bảo vệ LVThS.*

**2.14. Rà soát danh mục môn tương đương xét miễn chương trình BS-MS**

**2.14.1. Rà soát danh mục môn tương đương xét miễn chương trình BS-MS**

- Chương trình đào tạo Cao học 2022 mới bắt đầu vận hành.
- Do đó cần rà soát, cập nhật lại danh mục môn tương đương xét miễn trong chương trình BS-MS cho CTĐT Cao học Khóa 2022 với các CTĐT ĐH Khóa 2018-nay.
- PĐT SDH đã triển khai công tác cập nhật danh mục các môn tương đương với hạn cuối thực hiện là 30/10/2022.

**2.14.2. Về quy trình triển khai chương trình BS-MS:**

- Chương trình BS-MS cho phép sinh viên tích lũy trước các tín chỉ của CTĐT Cao học trong quá trình học bậc Đại học (*SV không phải là học viên cao học*

*chính thức*). Khi đăng ký tham gia chương trình, SV nhận quyết định công nhận tham gia chương trình BS-MS.

- Sau khi tốt nghiệp bậc Đại học, SV nộp hồ sơ dự tuyển Cao học, trúng tuyển, nhập học và là học viên cao học chính thức của Khóa mà học viên có quyết định trúng tuyển.
- Sau khi trúng tuyển cao học, SV chương trình BS-MS thực hiện thủ tục công nhận tín chỉ của các môn cao học đã tích lũy trước đây vào CTĐT chính thức.

## 2.15. Tuyển sinh, tốt nghiệp SĐH

### 2.15.1. Tốt nghiệp SĐH:

- Thống kê học viên tốt nghiệp cao học đợt tháng 11/2022: **tổng 228 HV tốt nghiệp**:
  - ✓ Thời gian học trung bình: 2.8 năm.
  - ✓ Thời gian học ngắn nhất: 1.0 năm (sinh viên PFIEV).
  - ✓ Thời gian học dài nhất: 4.0 năm (thời gian đào tạo tối đa).
- Điểm ngoại ngữ tốt nghiệp:
  - ✓ TOEIC (143/228 HV): trung bình: 600; cao nhất: 970; yêu cầu: 450; >785: 12).
  - ✓ IELTS (14/228 HV): trung bình 6.2; cao nhất: 7.0; yêu cầu: 5.5).
- Kết quả học tập:
  - ✓ Số học viên xuất sắc: 14.
  - ✓ Số học viên giỏi: 91.
  - ✓ Điểm trung bình LVThS: 7,75.
  - ✓ Điểm trung bình tốt nghiệp: 7,9.
  - ✓ Nam/Nữ: 155/73 (Tỉ lệ Nam: 68%). Tỉ lệ Nam trúng tuyển cao học: 76%.
  - ✓ Tuổi tốt nghiệp trung bình: 28,9 (Tuổi trúng tuyển trung bình: 26).
  - ✓ Số lượng học viên hướng nghiên cứu/ứng dụng tốt nghiệp: 42/187.
- Số Nghiên cứu sinh tốt nghiệp: dự kiến 25-31 NCS.

### 2.15.2. Tuyển sinh Cao học đợt 11/2022:

- Hạn cuối nhận hồ sơ: 31/10/2022.
- Ngày thi môn Anh văn 4 kỹ năng: 11-13/11/2022 (Thứ 6 – CN).
- Ngày phỏng vấn xét tuyển kết hợp thi tuyển: 24-28/11/2022.
- Dự kiến công tác tuyển sinh sẽ gặp nhiều khó khăn do chuẩn ngoại ngữ đầu vào và đầu ra tăng cao.

**tr. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO  
TẠO SAU ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**



**Trần Thiên Phúc**

**Hoàng Trang**

**Bùi Hoài Thắng**



